

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Bé Thu
- Thư ký phiên họp: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên họp: Bà Trần Yên Thương – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 06/2024/TLST-VLĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 08/2024/QĐST-VLĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1 Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Công ty Cổ phần M (Vắng mặt).

Trụ sở: Đường số C, Cụm C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.3 Bảo hiểm xã hội tỉnh A (Vắng mặt).

Trụ sở: Số A, KDC B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Thành T1 – Trưởng Phòng Thanh tra – Kiểm tra, Bảo hiểm xã hội tỉnh A; theo Giấy ủy quyền số 3201/UQ-BHXXH, ngày 26/12/2024 về việc tham dự phiên họp sơ thẩm tại Tòa án của Bảo hiểm xã hội tỉnh A.

2.4 Bảo hiểm xã hội huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo đơn yêu cầu ngày 20/8/2024, ngày 12/12/2024 ông Nguyễn Thanh T trình bày nội dung và yêu cầu lao động yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Khoảng năm 2009, ông có cho em ruột là Nguyễn Thanh Đ mượn giấy chứng minh nhân dân của ông để ký hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty M1. Tham gia bảo hiểm xã hội có mã số là 89090000983. Lý do thời gian đó em ruột của ông chưa đủ tuổi để ký hợp đồng lao động.

Trong khoảng thời gian này ông cũng làm việc và ký hợp đồng lao động tại Công ty Cổ phần T2 và được hưởng các chế độ quy định của công ty, tham gia bảo hiểm xã hội có mã số là 89100910.

Năm 2014 em trai ông chấm dứt hợp đồng lao động với Chi nhánh Công ty M1 và đã được giải quyết hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo Quyết định số 080297/QĐ-BHXH ngày 26/4/2014 của Bảo hiểm xã hội huyện L.

Năm 2023 ông xin nghỉ việc và Công ty Cổ phần T2 có quyết định số 130/QĐTV-TĐLT ngày 25/6/2023 về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Ông liên hệ Bảo hiểm Xã hội tỉnh An Giang để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật thì Bảo hiểm Xã hội tỉnh A rà soát thông tin xác định ông có 02 mã số bảo hiểm xã hội:

1/ 89090000983 tham gia từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2013 tại Công ty M1 (đã hưởng BHTN, BHXH 01 lần do BHXH huyện L giải quyết) thực tế người nhận là ông Nguyễn Thanh Đ;

2/ 891009101 tham gia từ tháng 8/2010 - 06/2023 tại Công ty T2 (đã hưởng BHTN, chưa hưởng BHXH 01 lần).

Ngày 11/7/2020 Bảo hiểm Xã hội tỉnh A có văn bản hướng dẫn ông liên hệ Tòa án có thẩm quyền để giải quyết việc tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động bảo hiểm xã hội mã số 89090000983 thì Bảo hiểm Xã hội tỉnh An Giang mới giải quyết chế độ bảo hiểm cho ông.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động có mã số bảo hiểm xã hội 89090000983 mang tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 11/6/1987 (Thực tế do Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1994) ký kết với Công ty Cổ phần M từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2013.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Đ trình bày tại Tờ tự khai ngày 23/12/2024 như sau: Ông và ông Nguyễn Thanh T là anh em ruột. Vào năm 2009 ông xin đi làm công nhân may tại Công ty Cổ phần M. Ông làm việc tại Chi nhánh Công ty Cổ phần M – xí nghiệp M1. Tuy nhiên, do không đủ tuổi nên ông có mượn giấy tờ tùy thân của anh ruột là ông Nguyễn Thanh T để ký kết hợp đồng lao động. Do thời gian lâu quá nên ông không nhớ chính xác số hợp đồng lao động đã ký kết. Ông chỉ nhớ công ty đóng bảo hiểm xã hội cho ông với mã số bảo hiểm xã hội là 89090000983. Đến năm 2014 ông xin nghỉ việc và đã được giải quyết hưởng trợ cấp xã hội một lần tại quyết định số 080297 ngày

26/4/2014 của Bảo hiểm Xã hội huyện L với số tiền là 9.883.620 đồng. Ông xác định hợp đồng lao động ký giữa Nguyễn Thanh T và Công ty Cổ phần M nêu trên thực tế là do ông Nguyễn Thanh Đ ký kết.

Đối với yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động nêu trên của ông Nguyễn Thanh T ông thống nhất. Đối với số tiền bảo hiểm xã hội ông đã được nhận ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần M; Bảo hiểm xã hội tỉnh A; Bảo hiểm xã hội huyện L, tỉnh Đồng Tháp không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết việc lao động và tại phiên họp đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người yêu cầu chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc giải quyết việc lao động:

Căn cứ Điều 122 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 117, 127, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015); Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Chấp nhận yêu cầu của ông T: Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động có mã số bảo hiểm xã hội 8909000983 (do Chi nhánh – Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M1 đóng) mang tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 11/6/1987 (Thực tế do Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1994) ký kết với Công ty Cổ phần M từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2013.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 50 Bộ luật lao động năm 2019 xác định: hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thanh T và Công ty Cổ phần M được giao kết và thực hiện tại thành phố L nên đơn yêu cầu giải quyết việc lao động về “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[1.2] Quyền yêu cầu: căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì ông T là người có tên trên hợp đồng lao động, việc thực hiện hợp đồng lao động ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Vì vậy, ông T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc lao động về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 1 Điều 3 Bộ luật lao động năm 2019.

[1.3] Tại phiên họp người yêu cầu có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt họ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt: căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Xét yêu cầu của ông T:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng lao động: Ông Nguyễn Thanh Đ có sử dụng hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Thanh T để giao kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần M từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2013; đến năm 2014 thì nghỉ việc. Xét thấy, việc ông Đ mượn hồ sơ mang thông tin của ông T để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần M như đã nêu trên, trong khi người lao động trên thực tế là ông Đ, việc này là giả mạo thông tin, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân khi giao kết giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019 thì Hợp đồng lao động từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2013 giữa người lao động Nguyễn Thanh T (do Nguyễn Thanh Đ trực tiếp giao kết, thực hiện) với người sử dụng lao động là Công ty Cổ phần M vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: trong thời gian từ 4/2009 đến tháng 3/2013 Công ty Cổ phần M (do chi nhánh Công ty Cổ phần M – xí nghiệp M1 – nơi ông Đ làm việc) đã đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông Đ (sổ bảo hiểm đứng tên ông T theo Sổ bảo hiểm số 8909000983). Nay hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, các bên liên quan không có yêu cầu thoái thu số tiền bảo hiểm này để hoàn trả lại cho Công ty. Nên Tòa án không xem xét số tiền bảo hiểm xã hội mà các bên đã thực hiện theo Sổ bảo hiểm số 8909000983.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông T phải chịu lệ phí việc lao động sơ thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 367, Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 122 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các Điều 117, 127, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T: Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động có mã số bảo hiểm xã hội 8909000983 (do Chi nhánh – Công ty Cổ phần M – Xí nghiệp M1 đóng) mang tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 11/6/1987 (Thực tế do Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1994) ký kết với Công ty Cổ phần M từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2013.

2. Về lệ phí giải quyết việc lao động: Ông T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001962 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lê Thị Bé Thu